

BAN TỔ CHỨC CHUYÊN NHƯỢNG CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ UÔNG BÍ KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY, QUY CHẾ BÁN ĐÁU GIÁ VÀ TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHUYÊN NHƯỢNG. VIỆC CHUYÊN NHƯỢNG CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÁO BÁN ĐỀ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYÊN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ UÔNG BÍ

Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Trụ sở chính : Số 03, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (+84) 024. 3518 0141 Fax: (+84) 024. 3518 0141

Email : <https://vinacom.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BAO VIỆT (BVSC)

Trụ sở chính : Số 08 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-24) 3928 8080 Fax : (84-24) 3928 9888

Website : www.bvsc.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ ƯƠNG BÍ**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5700 623 552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 06 năm 2018)

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG

Tên cổ phần chuyển nhượng	:	Cổ phần Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá khởi điểm	:	89.800 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng	:	306.054 cổ phần (tương ứng 20,40% vốn điều lệ thực góp tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí).
Tổng giá trị chào bán (dự kiến) tính theo mệnh giá	:	3.060.540.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2022, 2023 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ ƯƠNG BÍ**Công ty TNHH Kiểm toán BDO**

Trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Icon 4, 243A phố Đê La Thành, Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3783 3911

Fax: +84 (24) 3783 3914

Email: bdo.hn@bdo.vn

Website: www.bdovietnam.vn

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ**Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Trụ sở chính: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3824 1990

Fax: +84 (24) 3825 3973

Email: aasc@aasc.com.vn

Website: <https://aasc.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN**Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)**

Trụ sở chính: Số 08 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (24) 3928 8080

Fax: +84 (24) 3928 9888

Email: info-bvsc@baoviet.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
1. Các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước.....	5
2. Căn cứ để xây dựng phương án chuyển nhượng vốn của TKV tại CKOT.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	10
4. Rủi ro khác.....	11
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	12
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	12
2. Tổ chức tư vấn.....	12
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	14
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	15
1. Giới thiệu về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.....	15
2. Môi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.....	17
3. Số cổ phần sở hữu hiện tại.....	17
4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 100%.....	17
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	17
1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí.....	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của CKOT.....	18
3. Cơ cấu tổ chức CKOT.....	20
4. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành và cơ cấu vốn cổ phần.....	24
5. Danh sách công ty con Công ty liên kết của CKOT tại thời điểm 30/11/2024.....	25
6. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	25
7. Hoạt động kinh doanh.....	26
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	31
9. Nhu cầu của thị trường, triển vọng đầu tư ngành công nghiệp hỗ trợ và cơ khí ô tô.....	32
10. Chính sách đối với người lao động.....	34
11. Chính sách cổ tức.....	35
12. Tình hình tài chính.....	36
13. Tình hình tài sản.....	42



14. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của CKOT.....	43
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2024 - 2025.....	44
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CKOT.....	45
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....	46
VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỎ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	46
VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	49
IX. CÁC TỎ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	50
X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	51
PHỤ LỤC.....	53

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

2. Căn cứ để xây dựng phương án chuyển nhượng vốn của TKV tại CKOT

- Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Quyết định số 60/QĐ-TKV ngày 14/01/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần cơ khí Ô tô Uông Bí (được sửa đổi bổ sung ngày 28/04/2021);
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn chuyển nhượng vốn số 123A/2024/BVSC - TKV/PTV - TTTV ký ngày 09 tháng 09 năm 2024 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;
- Chứng thư thẩm định giá số 014/2024/1612.003.KT7 ngày 16/12/2024 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí (CKOT) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp tại Việt Nam. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

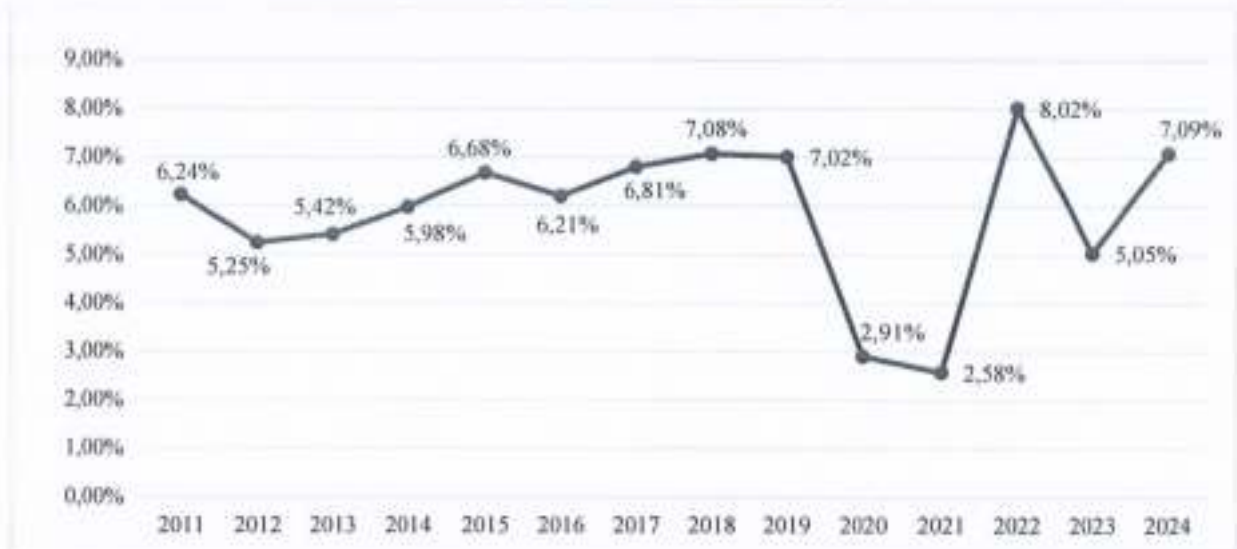
Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... Các yếu tố tác động này mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và CKOT nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại đã tác động lớn tới ngành sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. GDP năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%, theo Tổng cục thống kê.

Kể từ đầu năm 2023, Chính phủ đã đẩy mạnh đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế khi đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài suy yếu. Trong năm 2023, vốn nhà nước thực hiện tăng 21,2% so với năm trước lên 625,3 nghìn tỷ đồng. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công năm 2023 đạt 85,3% kế hoạch cả năm.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế. CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra. Nguyên nhân theo phân tích của Tổng cục Thống kê, do chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm.

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,6% do nhu cầu thuê nhà tăng, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt năm 2024 tăng 8,33% so với năm trước.

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,39 điểm phần trăm; chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37%; chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,76%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

Bên cạnh đó, yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2024 là: Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông năm 2024 giảm 1,02% so với năm 2023 do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với dòng điện thoại thông minh.

Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt,

dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến sự gia tăng của các chi phí sản xuất, chi phí tài chính và nhu cầu thị trường, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp hành động để hạn chế sự ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023, với mục tiêu tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ổn định, tỷ giá USD/VND hạ nhiệt đầu năm 2023, NHNN Việt Nam đã có bốn đợt giảm lãi suất điều hành với mục đích giảm giá vốn của ngân hàng, từ đó giảm lãi suất cho vay. Điều này đã tạo ra nhiều tác động tích cực giúp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Năm 2024, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm bằng cả hệ thống, riêng 4 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước giảm khoảng 1% so với cuối năm 2023, trong khi lãi suất tiền gửi bình quân đối với những khoản mới là 4,03%/năm, tăng 0,71%/năm. Có thể nói, lãi suất tiền gửi tăng nhưng lãi suất cho vay giảm cho thấy, các tổ chức tín dụng sẵn sàng chủ động đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và khách hàng vay vốn.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Dựa trên Báo cáo quyết toán tài chính Quý III năm 2024, CKOT không thực hiện giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó sẽ không chịu rủi ro khi có biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của CKOT khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của CKOT, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của CKOT. Hiện tại, hoạt động của CKOT chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... và các văn bản liên quan khác.

Là một công ty cổ phần chưa đăng ký giao dịch chứng khoán, CKOT không chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này không có ảnh hưởng đến hoạt động của CKOT.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, CKOT liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của CKOT, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để giảm thiểu các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, CKOT đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp, ngoài các rủi ro nêu trên, CKOT có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành như sau:

Rủi ro liên quan đến an toàn lao động

Tai nạn lao động: Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong năm 2024 số người chết vì tai nạn lao động là 727 người (tăng 4,81% so với năm 2023). Quảng Ninh tiếp tục là một trong những địa phương có nhiều người chết vì tai nạn lao động trong cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng.

Ngành sản xuất vật liệu cơ khí có nhiều mối nguy hiểm đối với người lao động, đặc biệt là khi làm việc với máy móc công nghiệp, kim loại nóng, và các công cụ cắt sắc. Các tai nạn lao động có thể dẫn đến mất mát về người, tài sản, chi phí bảo hiểm, bồi thường, hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của công ty.

Vi phạm tiêu chuẩn an toàn và môi trường: Nếu công ty không tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường, có thể đối mặt với các hình phạt từ cơ quan chức năng, gián đoạn sản xuất, và chi phí xử lý vi phạm.

Ô nhiễm môi trường: Quá trình sản xuất cơ khí có thể tạo ra bụi, khí thải, hoặc nước thải ô nhiễm. Nếu không kiểm soát tốt, công ty có thể bị phạt hoặc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường.

Rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu

Biến động giá nguyên vật liệu: Ngành cơ khí nói chung phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu như thép, nhôm, đồng, và các vật liệu khác. Giá nguyên liệu có thể dao động mạnh mẽ tùy thuộc vào các yếu tố toàn cầu như chiến tranh thương mại, biến động thị trường, hay thay đổi chính sách của các nhà cung cấp nguyên liệu lớn.

Sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng: Các nhà cung cấp nguyên liệu có thể gặp khó khăn về sản xuất hoặc giao hàng, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu trong quá trình sản xuất. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chi phí của công ty, đặc biệt là khi không có nguồn dự trữ hoặc hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp.

Rủi ro kỹ thuật và công nghệ

Lỗi thiết kế và sản xuất: Nếu thiết kế sản phẩm không đạt chuẩn hoặc có lỗi kỹ thuật, nó có thể dẫn đến chất lượng sản phẩm kém, gây tổn thất về chi phí bảo hành, sửa chữa, hoặc thậm chí mất khách hàng. Trong ngành cơ khí, các sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt và thường xuyên được kiểm tra.

Hỏng hóc, sự cố máy móc: Các thiết bị, máy móc trong nhà máy sản xuất cơ khí có thể gặp sự cố bất ngờ do quá trình sử dụng lâu dài hoặc thiếu bảo trì. Điều này có thể làm gián đoạn sản xuất và gia tăng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.

Sự cố trong quá trình gia công: Các công đoạn như gia công kim loại, hàn cắt, lắp ráp cần chính xác cao. Những sai sót trong quá trình này có thể dẫn đến sự cố chất lượng, lãng phí nguyên liệu và làm giảm năng suất lao động...

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đáng kể về tài sản, con người do đó không tránh khỏi ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CKOT.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Ông: Vũ Anh Tuấn

Chức vụ: Tổng giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Ông: Nhữ Đình Hòa

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chuyển nhượng vốn số 123A/2024/BVSC - TKV/PTV - TTVTV ký ngày 10 tháng 09 năm 2024 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí cung cấp. Bản công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin, số liệu và tài liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) cung cấp, cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy và toàn bộ nội dung trong Bản công bố thông tin đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) xác nhận. BVSC không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) cung cấp và BVSC thu thập được cũng như các thông tin trong Bản công bố thông tin. Các BCTC được thu nhập và sử dụng trong Bản công bố thông tin này bao gồm:

- BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
- BCTC năm 2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;



- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT).

Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày **30/09/2024** do Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí cung cấp, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm công bố thông tin. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này;

Chúng tôi giả định rằng Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh;

BVSC, nhân viên BVSC (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), chính Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí (CKOT) và các khách hàng khác của BVSC, và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản công bố thông tin này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.



IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
Bản công bố thông tin	: Bản công bố thông tin của CKOT về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
BCTC	: Báo cáo tài chính.
BKS	: Ban Kiểm soát.
Cổ đông	: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ phần	: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần.
Cổ tức	: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của CKOT sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
CTCP	: Công ty cổ phần.
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh.
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng quản trị.
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
Tổ chức tư vấn/BVSC	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
CKOT	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
TKV	: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
Vốn điều lệ	: Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của CKOT.
TSCĐ HH	Tài sản cố định hữu hình
TSCĐ VH	Tài sản cố định vô hình

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

1. Giới thiệu về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Thông tin cơ bản

Tên giao dịch trong nước	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	VIETNAM NATIONAL COAL AND MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED
Tên viết tắt	VINACOMIN
Vốn điều lệ	35.000.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm ngàn tỷ đồng)
Trụ sở chính	Số 03, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại	(+84) 024. 3518 0141
Fax	(+84) 024. 3518 0141
Website	https://vinacomin.vn
Email	vp.tkv@vinacomin.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN số	5700100256 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, đăng ký thay đổi lần lần thứ 5 ngày 01/11/2024.
Ngành nghề kinh doanh chính	<ul style="list-style-type: none">• Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than;• Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản;• Công nghiệp điện: Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện;

- Vật liệu nổ công nghiệp: Sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitrat amôn.



Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Quá trình hình thành và phát triển
10/1994	Tổng Công ty Than Việt Nam (TVN) được thành lập theo Quyết định số 563/TTg ngày 10/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ năm 1995 theo Điều lệ tổ chức và hoạt động ban hành tại Nghị định số 13/CP ngày 27/1/1995 của Chính phủ.
12/1997	Than Việt Nam đạt 10,7 triệu tấn than thương phẩm, hoàn thành vượt mức sản lượng của năm 2000 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII giao cho Ngành Than (10 triệu tấn).
05/2001	Tiếp nhận Tổng công ty cơ khí năng lượng và mô sáp nhập vào Tổng Công ty Than Việt Nam.
04/2002	Khởi công xây dựng nhà máy điện Na Dương - nhà máy nhiệt điện đầu tiên của Tập đoàn.
Năm 2003	Đạt 18,8 triệu tấn than thương phẩm, vượt chỉ tiêu sản lượng của năm 2005 do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra cho ngành Than (15 triệu tấn).
12/2004	Đạt 24,7 triệu tấn than thương phẩm (trong đó xuất khẩu 10,5 triệu tấn), đạt mục tiêu quy hoạch của năm 2010 (23-24 triệu tấn).
26/12/2005	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bắt đầu hoạt động từ 01/01/2006.
Năm 2013	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 314/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) giai đoạn 2012 - 2015.

Thời gian	Quá trình hình thành và phát triển
	Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 212/2013/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV).
Năm 2018	Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 105/2018/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), thay thế Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025. Doanh thu tổng số toàn Tập đoàn các công ty đạt 168,1 ngàn tỷ đồng bằng 100% kế hoạch.

2. Mọi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và là cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưng Bí.

3. Số cổ phần sở hữu hiện tại

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam hiện đang sở hữu 306.054 cổ phần, tương đương với 20,40% vốn điều lệ của CKOT, tương ứng với giá trị vốn góp 3.060.540.000 đồng (tính theo mệnh giá).

4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 100%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưng Bí

Tên giao dịch trong nước	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ ƯNG BÍ
Tên giao dịch quốc tế	UONG BI AUTO MECHANIC JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	CKOT
Vốn điều lệ	15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)

Trụ sở chính	Khu Tân Lập 2, Phường phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại	(+84.20) 3385 4028
Fax	(+84.20) 3385 4312
Website	www.ckoto.vn
Email	phcth.ckot@gmail.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 5700 623 552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 06 năm 2018.
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất các cấu kiện kim loại;• Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ;• Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại;• Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;• Sửa chữa máy móc, thiết bị; sửa chữa các thiết bị khác.

Logo CKOT



2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của CKOT

Ngày 01/07/1971, Bộ Điện và Than quyết định thành lập Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa (tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí ngày nay) trên cơ sở sáp nhập Xưởng cơ điện (thuộc xí nghiệp Cơ giới thi công) và Xí nghiệp Cơ khí thi công (thuộc công ty Xây dựng Điện - Than). Xí nghiệp có nhiệm vụ sửa chữa, trung, đại tu xe máy thi công và gia công một số mặt hàng phục vụ thi công theo kế hoạch của Công ty Xây dựng Điện - Than.

Ngày 18/09/1973, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Ủy ban Kế hoạch nhà nước đã có công văn trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt dự án xây dựng nhà máy Cơ khí sửa chữa (công suất sửa chữa 250 xe/năm) cùng với trụ sở tại thôn Tân Lập,

xã Phương Đông, thị xã Uông Bí (Quảng Ninh) và thành lập Nhà máy Cơ khí sửa chữa với tiền thân là Xi nghiệp Cơ khí sửa chữa.

Từ ngày thành lập, Nhà máy Cơ khí Sửa chữa là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Uông Bí - Bộ Điện và Than. Tháng 01 /1996, Bộ Công nghiệp đã quyết định chuyển Nhà máy thành doanh nghiệp hạch toán độc lập lấy tên là Nhà máy Cơ khí Ô tô, đơn vị thành viên của Tổng Công ty than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Tháng 2/2002, thực hiện việc sắp xếp các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nhà máy Cơ khí Ô tô trở về đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Than Uông Bí, thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 09/8/2006, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 2064/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Nhà máy Cơ khí Ô tô của Công ty TNHH một thành viên Than Uông Bí thành Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí.

Ngày 01/01/2007, công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí và số vốn điều lệ là 8.409.040.000 đồng hoạt động kinh doanh chính là: Sửa chữa Ô tô xe máy, đúc thép, cơ khí chế tạo, hóa nhựa, điện hoá bảo vệ kim loại, đúc quy chuyên dùng mô.

Sau hơn 50 năm xây dựng và phát triển, có nhiều cố gắng trong công tác đầu tư công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng, dịch vụ; CKOT đã trở thành một công ty có uy tín, đáp ứng được nhu cầu của Khách hàng và sự phân công nhiệm vụ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

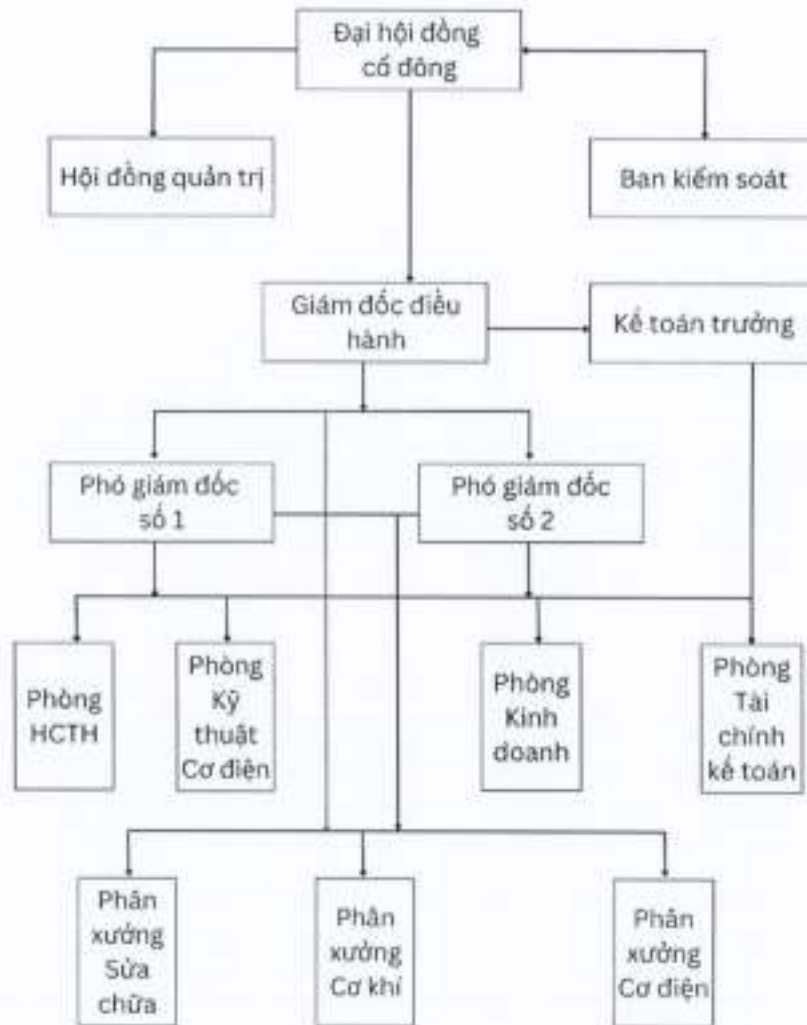
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí được biết đến không chỉ là một đơn vị sản xuất đa ngành mà còn được đánh giá cao bởi sự mạnh dạn đầu tư sản xuất, xây dựng và phát triển mặt hàng mới. Công ty đã được Nhà nước tặng huân chương lao động hạng ba (năm 1997), hạng nhì (năm 2011), giải bạc chất lượng Việt Nam năm 2000 và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, trải qua biết bao thăng trầm, nhiều lần đổi tên, với những nỗ lực, phấn đấu không mệt mỏi, tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty CP Cơ khí Ô tô Uông Bí đã làm nên những thành tích rất đáng tự hào. Trong công cuộc đổi mới chung của đất nước, Công ty đã có những bước tăng trưởng vượt bậc; đời sống cán bộ công nhân ngày càng được nâng cao; điều kiện làm việc của người lao động không ngừng được cải thiện; cơ sở vật chất ngày càng đẹp đẽ, khang trang, góp phần làm thay đổi diện mạo thành phố Uông Bí. Đó là kết quả của tinh thần đoàn kết, kỷ luật, đồng tâm - một truyền thống quý báu của giai cấp công nhân mỏ anh hùng.

3. Cơ cấu tổ chức CKOT

CKOT có cơ cấu tổ chức bộ máy theo mô hình công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của CKOT và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bi



Nguồn: CKOT

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt Đại hội đồng cổ đông được quyền quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất hàng năm và dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ. Đại hội đồng

cổ đông cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý Công ty và hoạt động của Công ty phù hợp với pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty; có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát

Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người quản lý khác. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông. Quyết định Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Giám đốc điều hành

Là người đứng đầu về công tác điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật.

Giám đốc chỉ đạo, điều hành chung các hoạt động của Công ty, phân công và phối hợp công tác của các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng nhằm thực hiện đúng và có hiệu quả nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

Giám đốc điều hành trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau: Công tác tổ chức cán bộ, công tác xây dựng chiến lược kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác thanh tra, công tác hợp đồng kinh tế, công tác tài chính, công tác xây dựng và tổ chức triển khai dự án đầu tư và công tác đổi mới doanh nghiệp. Chủ tịch hội đồng khoa học kỹ thuật, Chủ tịch hội đồng nhân sự.

Phó giám đốc số 1

Thay Giám đốc hoặc Phó Giám đốc số 2 khi vắng mặt

Trực tiếp chỉ đạo quản lý tài sản, phát triển sản phẩm mới, tổ chức nhân sự, đầu tư xây dựng, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác đối ngoại (khi được phân công); lập và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; nghiệm thu, quyết toán sản phẩm; tìm kiếm việc làm, tiếp thị, quảng bá sản phẩm, mua bán và cung ứng vật tư; quản lý tài chính, kế toán, chi phí; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công. Sinh hoạt tại Phòng Kỹ thuật - Cơ điện.

Phó giám đốc số 2

Thay Giám đốc và Phó Giám đốc số 1 khi cả hai vắng mặt;

Trực tiếp chỉ đạo lập kế hoạch và điều hành sản xuất kinh doanh, nghiệm thu, quyết toán sản phẩm, tìm kiếm việc làm, tiếp thị, quảng bá, mua bán và cung ứng vật tư, quản lý tài chính và chi phí. Phối hợp chỉ đạo các công tác: quản lý tài sản, phát triển sản phẩm, tổ chức nhân sự, đầu tư xây dựng, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và đối ngoại (khi được phân công). Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Giám đốc.

Kế toán trưởng

Là người giúp giám đốc điều hành toàn bộ hệ thống kế toán tài chính trong Công ty, chấp hành nghiêm túc các quy định của luật kế toán tài chính nhà nước ban hành. Cung cấp thông tin tài chính kế toán phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và cho các đối tượng bên ngoài có liên quan.

Khối phòng ban nghiệp vụ

Phòng/Ban	Chức năng, nhiệm vụ
Phòng Hành chính Tổng hợp	<p><i>Chức năng:</i> tham mưu và hỗ trợ Giám đốc trong các lĩnh vực: tổ chức cán bộ, đào tạo, lao động và tiền lương; bảo vệ an ninh, tài sản và quân sự địa phương; thanh tra nội bộ, hành chính, công nghệ thông tin, văn hóa, thể thao; quản lý đoàn công tác nước ngoài; vận hành nhà ăn công nghiệp, trạm y tế và các tài sản được giao</p> <p><i>Nhiệm vụ chính:</i></p> <ul style="list-style-type: none">• Tổ chức bộ máy và cán bộ: Lập kế hoạch tổ chức, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương và báo cáo nhân sự;• Lao động, tiền lương, chính sách: Xây dựng, thực hiện quy chế lương, thưởng; quản lý bảo hiểm và kiểm tra chi trả;• Đào tạo: Lập kế hoạch đào tạo, tổ chức thi thợ giỏi, xây dựng quy chế đào tạo;

Phòng/Ban	Chức năng, nhiệm vụ
	<ul style="list-style-type: none">• Định mức lao động: Quản lý, điều chỉnh định mức lao động và đơn giá khoán;• Văn phòng: Chuẩn bị báo cáo, tổ chức họp, quản lý công văn, tài sản văn phòng, thông tin liên lạc;• Y tế và đời sống: Quản lý nhà ăn, chăm sóc sức khỏe CBCNV, tổ chức khám sức khỏe và đảm bảo vệ sinh môi trường;• Bảo vệ, quân sự: Thực hiện kế hoạch bảo vệ, phòng chống cháy nổ, huấn luyện tự vệ và bảo vệ an ninh;• Thanh tra: Kiểm tra quản lý nội bộ, xử lý khiếu nại, tố cáo, tài chính, và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra.
Phòng Kỹ thuật Cơ điện	<p><i>Chức năng:</i> Tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực: kỹ thuật công nghệ, cơ điện, an toàn bảo hộ lao động, kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS), và nghiệm thu. Marketing và quản lý thương hiệu.</p> <p><i>Nhiệm vụ chính:</i></p> <ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật Công nghệ: Phát triển sản phẩm, thiết kế quy trình công nghệ, tham gia cải tiến kỹ thuật;• Kỹ thuật Cơ điện: Quản lý, sửa chữa máy móc, thiết bị; nghiên cứu áp dụng công nghệ mới;• Đầu tư và Xây dựng: Lập kế hoạch đầu tư, sửa chữa vật kiến trúc; quản lý hồ sơ công trình;• An toàn Lao động: Xây dựng và phổ biến quy định an toàn; kiểm tra, xử lý vi phạm bảo hộ lao động;• KCS và Nghiệm thu: Đánh giá chất lượng sản phẩm, nghiệm thu sản phẩm/công trình; quản lý thiết bị đo lường.
Phòng Kinh doanh	<p><i>Chức năng và nhiệm vụ:</i> tham mưu, giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, pháp luật Nhà nước trong các lĩnh vực quản lý điều hành phân xưởng, xây dựng và quản lý sản phẩm, quản lý các mặt về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm</p>
Phòng tài chính kế toán	<p><i>Chức năng và nhiệm vụ:</i> là một đơn vị tổ chức chịu sự lãnh đạo của ban lãnh đạo Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, pháp luật Nhà Nước trong các lĩnh vực công tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Công tác tài chính, kế toán, thống kê và sự gắn kết ba bộ phận công tác không thể tách rời, tham mưu đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty thực hiện đúng quy định và tuân



Phòng/Ban	Chức năng, nhiệm vụ
	thủ nghiệm ngặt về các quy định và các chính sách kinh tế trong doanh nghiệp nhà nước.
Các phân xưởng	
Phân xưởng	Chức năng nhiệm vụ
Phân xưởng Sửa chữa	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, máy móc, thiết bị và các thiết bị động cơ khác.
Phân xưởng Cơ khí	Sản xuất cấu kiện kim loại, đúc sắt thép, gia công cơ khí, tráng phủ kim loại. Sản xuất máy khai thác mỏ, xây dựng, phụ tùng ô tô và sản phẩm kim loại khác.
Phân xưởng Cơ điện	Sửa chữa thiết bị cơ điện, sản xuất ốc quy chuyên dụng, sản phẩm từ plastic. Sản xuất mũ nhựa bảo hộ lao động, xe nâng hàng và xe điện.

4. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành và cơ cấu vốn cổ phần

- Cơ cấu cổ đông của CKOT tại thời điểm chốt danh sách cổ đông cuối cùng vào ngày 31/05/2024 như sau:

Cơ cấu cổ đông của CKOT tại thời điểm 31/05/2024

(Thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất)

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	48	1.500.000	100%
	Trong đó:			
	- Tổ chức:	1	306.054	20,40%
	- Cá nhân:	47	1.193.946	79,60%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Trong đó:			
	- Tổ chức:			
	- Cá nhân:			
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	48	1.500.000	100%

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của CKOT tại thời điểm
31/05/2024**

Stt	Tên cổ đông	Số CNDKDN/ CCCD/CMT	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	Nguyễn Văn Tinh	100661004	Khu Tân Lập 2, Phường phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	552.448	36,82%
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 03, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	306.054	20,40%
3	Trịnh Trung Ủy	100506801	Tổ 29B - Khu 8- Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh	120.000	8,00%
Tổng cộng				978.502	65,23%

Nguồn: CKOT

5. Danh sách công ty con Công ty liên kết của CKOT tới thời điểm 31/12/2024

- Công ty không có công ty con hay công ty liên doanh liên kết.

6. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Căn cứ thông tin do Công ty cung cấp, các ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty không bị giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có;
- Hiện nay, CKOT không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia sở hữu cổ phần của Công ty.

7. Hoạt động kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh căn cứ theo giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 11219/24 đính kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700623552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 20 tháng 06 năm 2018:

Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí hoạt động trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh đa dạng, bao gồm các ngành nghề chính sau:

- **Dịch vụ sửa chữa ô tô và máy công trình:** Bảo dưỡng, sửa chữa các loại xe ô tô, xe công trình và thiết bị cơ khí khác.
- **Sản xuất sản phẩm cơ khí và kết cấu thép:** Chế tạo, gia công cơ khí, đúc sắt thép và sản xuất các cấu kiện kim loại phục vụ nhiều ngành công nghiệp.
- **Sản xuất sản phẩm nhựa công nghiệp và dân dụng:** Cung cấp các sản phẩm nhựa phục vụ công nghiệp và đời sống.
- **Sản xuất ắc quy axit và ắc quy kiềm:** Dành cho tàu điện, xe ô tô điện và xe nâng hàng.
- **Sản xuất sản phẩm phục vụ khai thác khoáng sản:** Chế tạo các thiết bị và phụ kiện phục vụ khai thác khoáng sản lộ thiên và hầm lò.
- **Sản xuất mũ nhựa bảo hộ lao động:** Cung cấp các sản phẩm bảo hộ an toàn lao động.

Nhận định: Công ty có định hướng phát triển bền vững trong lĩnh vực cơ khí, ô tô và công nghiệp phụ trợ. Với danh mục ngành nghề đa dạng, công ty có khả năng cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho nhiều lĩnh vực quan trọng như xây dựng, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và an toàn lao động.

Ngoài các ngành nghề kinh doanh chính, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí còn hoạt động trong một số lĩnh vực kinh doanh phụ, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh cốt lõi. Các ngành nghề kinh doanh phụ bao gồm:

1. Vận tải và kho bãi

- **Vận tải hành khách đường bộ (Mã ngành: 4931, 4932):** Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách nội thành, liên tỉnh theo nhu cầu.
- **Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành: 4933):** Vận chuyển vật liệu, thiết bị, sản phẩm cơ khí và hàng hóa phục vụ sản xuất.
- **Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành: 5210):** Dịch vụ lưu trữ, bảo quản nguyên vật liệu và thành phẩm.

2. Thương mại và kinh doanh sản phẩm cơ khí – ô tô

- **Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành: 4662):** Cung cấp các loại sắt thép, kim loại phục vụ sản xuất và xây dựng.

- Bán buôn phụ tùng, linh kiện ô tô, xe cơ giới (Mã ngành: 4530): Cung cấp các bộ phận thay thế, linh kiện cơ khí.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành: 4513): Phân phối, kinh doanh các loại xe phục vụ vận tải và công nghiệp.

3. Dịch vụ kỹ thuật và lắp đặt thiết bị

- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành: 4321): Thi công, lắp đặt hệ thống điện cho các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành: 3320): Cung cấp dịch vụ lắp đặt, vận hành thiết bị cơ khí, máy móc công nghiệp.

4. Dịch vụ sửa chữa và bảo trì thiết bị

- Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp (Mã ngành: 3312): Bảo trì, sửa chữa máy công trình, thiết bị cơ khí.
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành: 3314): Dịch vụ sửa chữa, bảo trì các hệ thống điện công nghiệp.
- Sửa chữa thiết bị khác (Mã ngành: 3319): Cung cấp dịch vụ sửa chữa các thiết bị chuyên dụng.

5. Các dịch vụ xây dựng và hỗ trợ thi công

- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4312): San lấp, dọn dẹp mặt bằng phục vụ xây dựng, lắp đặt công trình.
- Phá dỡ công trình (Mã ngành: 4311): Dịch vụ tháo dỡ, giải phóng mặt bằng.

Tổng kết: Các ngành nghề phụ của CKOT chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh chính, bao gồm dịch vụ logistics, thương mại sản phẩm cơ khí – ô tô, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt thiết bị và một số hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Những lĩnh vực này giúp công ty tối ưu hóa chuỗi cung ứng, mở rộng phạm vi kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.



➤ Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu thuần của CKOT

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.004.018.404	99,86%	422.344.040.198	99,89%	398.054.176.292	99,75%
1.1	Doanh thu bán hàng	55.832.132.779	11,96%	29.644.390.000	7,01%		
1.2	Doanh thu sản xuất thành phẩm	402.051.418.828	86,15%	391.273.967.099	92,54%		
1.3	Doanh thu khác	8.120.466.797	1,74%	1.425.683.099	0,34%		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	219.229.581	0,05%	225.952.641	0,05%	69.192.219	0,02%
2.1	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	219.229.581	0,05%	223.186.241	0,05%		
2.2	Lãi chênh lệch tỉ giá thực hiện	-		2.766.400	0,001%		
3	Thu nhập khác	450.981.913	0,10%	225.225.629	0,05%	930.697.661	0,23%
3.1	Thu từ trông xe và bán vé bể bơi	49.854.544	0,01%	32.545.454	0,01%		
3.2	Vật tư thu hồi	166.436.374	0,04%	89.286.670	0,02%		
3.3	Các khoản khác	234.690.995	0,05%	103.393.505	0,02%	930.697.661	0,23%
	Tổng cộng	466.674.229.898	100,00%	422.795.218.468	100,00%	399.054.066.172	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Căn cứ theo số liệu về cơ cấu doanh thu thuần (BCTC của CKOT), doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần (99,86% tổng doanh thu) song doanh thu từ hoạt động bán hàng trong



năm 2023 đã giảm 10% so với năm trước đó. Kéo theo tổng doanh thu năm 2023 của CKOT cũng giảm đi 9% so với năm trước đó.

➤ Cơ cấu chi phí của CKOT

Cơ cấu chi phí của CKOT

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %
1	Giá vốn bán hàng	438.145.485.108	46,98%	394.096.313.068	47,01%	373.888.234.067	47,15%
2	Chi phí tài chính	5.341.951.716	0,57%	6.082.774.006	0,73%	3.568.414.332	0,45%
3	Chi phí bán hàng	3.482.081.537	0,37%	3.663.688.557	0,44%	3.244.326.611	0,41%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.937.359.435	1,82%	15.824.489.945	1,89%	15.743.218.515	1,99%
5	Chi phí khác	15.708.270	0,002%	80.245.266	0,01%	956.296.978	0,12%
6	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	468.750.833.745	50,26%	418.529.972.222	49,93%	395.514.239.526	49,88%
6.1	Chi phí nguyên vật liệu	402.029.121.327	43,11%	363.552.935.665	43,37%	341.663.425.674	43,09%
6.2	Chi phí nhân công	27.453.515.778	2,94%	26.210.623.644	3,13%	25.487.216.840	3,21%
6.3	Chi phí khấu hao TSCĐ	8.781.972.072	0,94%	3.338.418.279	0,40%	4.948.090.815	0,62%
6.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.800.861.316	1,16%	10.097.747.256	1,20%	6.485.855.585	0,82%
6.5	Chi phí khác bằng tiền	19.685.363.252	2,11%	15.330.247.378	1,83%	16.929.650.612	2,14%
	Tổng cộng	932.673.419.811	100%	838.277.483.064	100%	611.336.639.558	100%

Nguồn: BCTC năm 2022, 2023 đã kiểm toán và Báo cáo quyết toán TC năm 2024 của CKOT

Về cơ cấu chi phí, theo BCTC của CKOT, chi phí sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong năm 2022, tiêu tốn hơn 468 tỷ đồng (chiếm 50,26% tổng chi phí) song chi phí sản xuất năm 2023 đã giảm xuống 418 ti (tương đương 49,93%



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

tổng chi phí). Ngoài ra, giá vốn của hàng bán cũng chiếm tỷ trọng cao so với các yếu tố chi phí còn lại, đạt 438 tỉ chiếm 46,98% tổng chi phí năm 2022. Trong năm 2023, giá vốn hàng bán đã giảm xuống còn 394 tỉ song vẫn chiếm 47,01% cơ cấu tổng chi phí.

➤ Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp của CKOT

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %	Giá trị	Tỷ lệ/DTT %
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.403.531.606	5,04%	601.238.395	2,13%	325.008.972	1,77%
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất	23.830.242.902	85,54%	26.457.819.941	93,66%	15.350.132.052	83,58%
3	Lợi nhuận gộp khác	2.624.758.788	9,42%	1.188.668.794	4,21%	2.691.681.571	14,66%
	Tổng	27.858.533.296		28.247.727.130		18.366.822.595	

Nguồn: Số liệu được cung cấp bởi CKOT

Về cơ cấu lợi nhuận gộp, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất luôn chiếm tỉ trọng cao nhất là 23,830 tỉ trong năm 2022 (tương đương 85,24% cơ cấu lợi nhuận) và tăng lên 26,45 tỉ tương ứng với 93,66% tổng lợi nhuận trong năm 2023. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất luôn đóng vai trò chính trong cơ cấu lợi nhuận của CKOT do doanh thu từ hoạt động sản xuất thành phẩm vốn đã chiếm tỉ lệ cao nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty.



8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của CKOT

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%	Năm 2024
			(+/-)	
Tổng giá trị tài sản	204.550	172.907	-15,47%	172.893
Tài sản ngắn hạn	170.730	144.323	-15,47%	143.827
Hàng tồn kho	39.982	37.597	-5,96%	37.630
Tổng nợ	178.154	146.305	-17,88%	147.170
Nợ ngắn hạn	172.198	139.411	-19,04%	139.281
Nợ dài hạn	5.956	6.894	15,75%	7.889
Vốn chủ sở hữu	26.396	26.602	0,78%	25.724
Doanh thu thuần	466.004	422.344	-9,37%	398.054
Giá vốn hàng bán	438.145	394.096	-10,05%	373.888
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.316	2.903	25,31%	1.679
Kết quả từ hoạt động khác	435	225	-48,26%	69
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.752	3.048	10,76%	1.653
Lợi nhuận sau thuế	2.168	2.406	10,95%	1.287
Vốn điều lệ	15.000	15.000	0%	15.000
Tỉ lệ trả cổ tức trên Vốn điều lệ	12%	12%	0%	NA

Nguồn: BCTC năm 2022, 2023 đã kiểm toán; Báo cáo quyết toán TC năm 2024 của CKOT

Theo BCTC của CKOT, Tổng tài sản năm 2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí đã giảm hơn 15% so với năm 2022, từ 204,55 tỷ đồng xuống còn 172,90 tỷ đồng.

Chỉ tiêu về doanh thu thuần giảm 9,37% trong năm 2023 (từ 466 tỉ xuống còn 422 tỉ). Tuy nhiên các chỉ tiêu lợi nhuận của công ty lại đạt được tăng trưởng so với năm trước.

Cụ thể trong năm 2023, CKOT đạt lợi nhuận thuần từ HĐKD là 2,9 tỉ đồng (tăng 25,31% so với năm 2022); Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 3,04 tỉ đồng (tăng 25,31% so với năm 2022); Lợi nhuận sau thuế đạt 2,4 tỉ đồng (tăng 10,95% so với năm 2022).

Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của CKOT trong 2 năm vừa qua

➤ Thuận lợi:

Năm 2023, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bước vào triển khai nhiệm vụ trong điều kiện có nhiều thuận lợi, tiếp nối thành quả giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển”, ngành than tiếp tục là một trong ngành kinh tế quan trọng, đóng vai trò trụ cột trong sự phát triển của nền kinh tế toàn tỉnh, tạo động lực tăng trưởng cho các ngành kinh tế khác, góp phần cho tỉnh Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng kinh tế 02 con số trong 9 năm liên tiếp 2015-2023

➤ Khó khăn:

Về tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường nhất là bất ổn của kinh tế vĩ mô toàn cầu (lạm phát, giá cả tăng cao, thắt chặt tín dụng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực...) biến động chính trị - an ninh thế giới, tình trạng thiếu điện tại khu vực phía Bắc; ngành Cơ khí nói chung và Công ty CP Cơ khí Ô tô Ưông Bí nói riêng gặp nhiều khó khăn do giá vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào tăng cao tác động trực tiếp, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2024: Trong năm 2024 do việc thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất của các đơn vị trong TKV so với kế hoạch xây dựng đầu năm, cũng như việc chia sẻ việc làm với các đơn vị cơ khí trong ngành. Cùng với đó là ảnh hưởng của cơn bão số 3, Công ty phải tập trung khắc phục một số hậu quả sau bão để ổn định duy trì sản xuất, đồng thời do mất điện lưới kéo dài trong tháng 9, cũng đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả SXKD của Công ty; các đơn hàng giao cho đơn vị mỏ không giao được trong tháng 9 do ảnh hưởng cơn bão số 3.

9. Nhu cầu của thị trường, triển vọng đầu tư ngành công nghiệp hỗ trợ và cơ khí ô tô

➤ Giao dịch cổ phiếu của CKOT

Công ty Cổ phần cơ khí Ô tô Ưông Bí hiện chưa đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng theo quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14. Cổ phiếu của công

ty không được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán. Trong năm 2024, giao dịch chuyển nhượng cổ phần CKOT gần nhất là ngày 24 tháng 05 năm 2024 với 3.689 cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần. Đây là giao dịch chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng mua bán giữa hai cổ đông cá nhân không phải cổ đông lớn của công ty.

➤ **Về thị trường kinh doanh**

Thị trường hoạt động kinh doanh của CKOT chủ yếu trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Công ty cung cấp dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các loại xe ô tô và xe có động cơ (xe tải, máy khoan, máy xúc, máy đào) cho các công ty ngành than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngoài ra CKOT cũng gia công sản xuất các loại phụ tùng cho xe có động cơ, linh kiện kim loại và đồ bảo hộ cho TKV và một vài doanh nghiệp ngoài Tập đoàn hoạt động ở các tỉnh thành lân cận như Hải Phòng.

➤ **Về các chính sách địa phương và pháp luật đối với sự phát triển của ngành**

Chính phủ Việt Nam đã có những hỗ trợ từ chính sách địa phương và quốc gia bằng việc ban hành các chính sách như: Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và Nghị quyết 115/NQ-CP nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ nói chung và cơ khí ô tô nói riêng. Định hướng tập trung vào kỹ thuật cơ khí, công nghệ cao và ô tô, với mục tiêu đạt 2.000 doanh nghiệp cung ứng đủ khả năng đến năm 2030, tạo cơ hội phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp cơ khí trong nước như CKOT. Ngoài ra, về lợi thế địa phương, tỉnh Quảng Ninh tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, xây dựng các cụm công nghiệp chuyên biệt và khuyến khích đầu tư, góp phần hỗ trợ trực tiếp cho ngành cơ khí ô tô tại địa phương.

Các chính sách của Chính phủ không chỉ mở rộng cơ hội cho các doanh nghiệp cơ khí và công nghiệp ô tô trong đó có CKOT mà còn định hình một nền công nghiệp hỗ trợ mạnh mẽ, góp phần tăng cường vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu thu hút đầu tư nước ngoài.

➤ **Về dư địa phát triển của ngành**

Ngành cơ khí Việt Nam có doanh thu 1,7 triệu tỷ đồng, phục vụ nhiều ngành nghề nhưng mới đáp ứng 30% nhu cầu trong nước, mở ra tiềm năng lớn cho đầu tư và phát triển. Về năng lực hoạt động, hầu hết doanh nghiệp cơ khí tại Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu và năng suất thấp, gây khó khăn trong cạnh tranh và nâng cao giá trị gia tăng. Việc thúc đẩy áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, và chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn là ưu tiên để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

➤ Các hợp đồng mua bán tiêu biểu trong năm 2024

Các hợp đồng mua bán tiêu biểu của CKOT trong năm 2024

Ký hiệu	Giá trị (đ)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
12.06/HĐ-KHMD	1.316.400.000	5/7/2024	30/7/2024	Ắc quy tàu điện	Than Mông Dương
29/HĐMB-THL-UB	830.610.000	22/7/2024	24/9/2024	Ắc quy tàu điện	Than Hạ Long
426/HĐMB	777.317.000	23/10/2024	5/11/2024	Ắc quy tàu điện	Than Uông Bí
490/HĐMB	156.211.750.000	12/30/2023	Năm 2024	Vì chống lò	Than Uông Bí
16/HĐMB	22.319.726.000	4/26/2024	Năm 2024	Vì chống lò	Cơ khí mỏ và đóng tàu -TKV
02/2024/HĐ-HLC	4.077.480.000	1/2/2024	Năm 2025	Gông lò	Than Hà Lâm
346/HĐ-TVD-KH	1.959.430.000	4/9/2024	Năm 2026	Gông lò	Than Vàng Danh

Nguồn: CKOT

10. Chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí tại ngày 30/09/2024 là 179 người, cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

Cơ cấu lao động của CKOT tại thời điểm 30/09/2024

	Phân loại theo trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ trên đại học	0	0%
2	Đại học, cao đẳng	62	34,64%
3	Trung cấp	16	8,94%
4	Công nhân kỹ thuật	101	56,42%
	Tổng cộng	179	100%

Nguồn: CKOT

Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Chính sách đãi ngộ dành cho người lao động gồm có: lương, chế độ ăn trưa theo ca hoặc bồi dưỡng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, nghỉ phép năm, phúc lợi và khen thưởng.

Điều kiện làm việc: Thời gian làm việc là 8 giờ/ngày (ca) và 48 giờ/tuần từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. CKOT tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ bảo hộ lao động để cán bộ yên tâm công tác. Người lao động có ngày nghỉ hàng năm và nghỉ lễ, tết theo luật của Nhà nước và có chế độ lương thưởng theo điều lệ của CKOT.

Chế độ bảo hiểm: Người lao động và công ty đóng các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của luật lao động và công ty. CKOT cũng hỗ trợ 100% mức phí tham gia bảo hiểm thân thể cho người lao động hàng năm.

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên CKOT

Thu nhập bình quân của CBNV của CKOT qua các năm

Năm	Mức thu nhập bình quân
Năm 2023	10.578.000 đồng/người/tháng
Năm 2024	10.691.000 đồng/người/tháng

Nguồn: CKOT

Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng: chính sách tuyển dụng công bằng, minh bạch cho tất cả các vị trí. Việc tuyển dụng của CKOT căn cứ vào Quy chế tuyển dụng, chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Chế độ Đào tạo và nâng lương: Người lao động được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; được hưởng chế độ nâng bậc, nâng lương theo Quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí.

11. Chính sách cổ tức

Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HDQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty

HDQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HDQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Tình hình chi trả cổ tức các năm qua của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bi như sau:

Tình hình chi trả cổ tức qua các năm của CKOT

STT	Năm trả cổ tức	Tỷ lệ chi trả cổ tức của năm	Phương thức trả cổ tức	Căn cứ pháp lý
1	2007	10,50%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2007
2	2008	21,40%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2008
3	2009	27,80%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009
4	2010	27,80%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010
5	2011	25,10%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011
6	2012	18,30%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012
7	2013	11,77%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013
8	2014	7,60%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014
9	2015	9,10%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015
10	2016	7,60%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016
11	2017	8%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017
12	2018	9%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018
13	2019	10%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019
14	2020	10%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020
15	2021	13%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021
16	2022	12%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022
17	2023	12%	Bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023
18	2024			Cần được thông qua tại ĐHĐCĐ

Nguồn: CKOT

12. Tình hình tài chính

Trích khấu hao tài sản cố định

Theo Báo cáo tài chính của CKOT, tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí CKOT bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

TSCĐ HH: Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Năm 2023	Năm 2022
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35 năm	08 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm	10 năm

TSCĐ VH: Tài sản cố định vô hình bao gồm các chương trình phần mềm được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

- Nguyên giá TSCĐ HH của CKOT tại ngày 31/12/2023 là 134.669.738.565 đồng với nguyên giá TSCĐ HH đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 79.801.017.632 đồng;
- Trong năm 2023, công ty đã xóa bỏ các tài sản cố định hữu hình không có khả năng sử dụng được với nguyên giá là 2.461.433.684 đồng;
- Giá trị còn lại của TSCĐ HH của CKOT tại thời điểm 31/12/2023 là 27.403.751.696 đồng. Một phần giá trị còn lại của TSCĐ HH đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay, cầm cố là 11.585.474.050 đồng;
- Nguyên giá TSCĐ VH của CKOT tại ngày 31/12/2023 là: 226.000.000 đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ VH tại ngày 31/12/2023 là 91.899.989 đồng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tại thời điểm 31/12/2023, theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của CKOT, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính.

Các khoản phải nộp theo luật định

Theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Cơ khí Ô tô Uông Bí, CKOT đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành.

Trích lập các quỹ theo luật định

CKOT đã thực hiện trích phân phối các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Tình hình trích lập các quỹ của CKOT

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	7.019.980.277	9.195.864.394	9.436.431.725
	Tổng cộng	7.019.980.277	9.195.864.394	9.436.431.725

Nguồn: Số liệu được cung cấp bởi CKOT

Tình hình công nợ**➤ Tình hình các khoản phải thu****Tình hình các khoản phải thu của CKOT**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	111.878.613.368	101.031.936.839	95.664.093.111
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	105.585.590.706	91.445.599.034	81.668.088.981
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	737.529.480	1.468.729.480	8.401.661.480
3	Phải thu ngắn hạn khác	5.555.493.182	8.117.608.325	5.594.342.650
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	0	0	0
II	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
	Tổng	111.878.613.368	101.031.936.839	95.664.093.111

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023, BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Theo đánh giá của Ban giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô uông Bí, tại ngày 31/12/2023, CKOT không có khoản công nợ phải thu khó đòi.

➤ Tình hình các khoản phải trả**Tình hình các khoản nợ phải trả của CKOT**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ ngắn hạn	172.197.703.481	139.411.286.884	139.280.950.9



Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Phải trả người bán ngắn hạn	104.139.148.877	77.337.374.021	84.660.802.10
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	435.000.000		4.050.669.778
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	942.777.958	1.513.420.534	956.982.488
4	Phải trả người lao động	3.683.488.809	2.221.290.199	1.513.897.623
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	183.945.465	247.075.234	266.433.262
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn			
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	40.000.000	712.627.273	439.931.636
8	Phải trả ngắn hạn khác	2.532.853.092	2.836.920.268	35.791.763
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	60.277.536.328	54.676.246.264	47.401.767.74
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn			
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(37.047.048)	(133.666.909)	(45.325.406)
II	Nợ dài hạn	5.955.896.360	6.893.994.800	7.889.093.240
1	Phải trả người bán dài hạn			
2	Phải trả dài hạn khác	20.000.000	20.000.000	20.000.000
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.935.896.360	6.873.994.800	7.869.093.240
	Tổng cộng	178.153.599.841	146.305.281.684	147.170.044.23

Nguồn: BCTC năm 2022 2023 đã kiểm toán và BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Sự giảm nợ ngắn hạn trong năm 2023 có thể được lý giải bởi một số yếu tố như:

- CKOT có thể đã thực hiện thanh toán đáng kể cho các nhà cung cấp nhằm giảm áp lực từ các khoản công nợ bán hàng. Phản ánh chiến lược cải thiện quan hệ với nhà cung cấp hoặc tận dụng điều kiện tài chính tốt hơn để thanh toán sớm các khoản nợ ngắn hạn;
- Các khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm từ 105,585 tỉ xuống 95,664 tỷ tại thời điểm 31/12/2024 cũng cho thấy CKOT có thể đã đẩy nhanh việc thu hồi các khoản công nợ ngắn hạn để trả nợ ngắn hạn cho đối tác;
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn từ đầu năm 2023 đến hết năm 2024 tăng đều trong khoảng từ 900 triệu tới 1 tỷ. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2024

Tình hình dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2023 đến 31/12/2024, CKOT thống kê các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Tình hình dư nợ của CKOT

Stt	Bên cho vay	Số dư	
		31/12/2023	31/12/2024
Vay ngắn hạn			
1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Uông Bí	34.157.784.795	31.460.884.434
2	Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn Việt Nam	18.922.461.469	9.431.000.370
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0	4.943.882.942
4	Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam	1.596.000.000	1.566.000.000
Vay dài hạn			
1	Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam	2.337.000.000	1.971.000.000
2	Vay cá nhân	4.536.994.800	5.898.093.240

Nguồn: BCTC năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	(lần)	0,99	1,04	1,03
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	(lần)	0,76	0,77	0,76
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	(lần)	0,87	0,85	0,85
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(lần)	6,75	5,50	5,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	(lần)	12,08	10,16	9,94

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)				
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	(lần)	2,55	2,24	2,3
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	(%)	8,20	9,08	4,92
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	(%)	1,19	1,27	0,74
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	(%)	0,50	0,69%	0,42
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	0,47	0,57%	0,32
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	(đồng/cp)	1.445,56	1.607,78	858,14

Nguồn: Tính toán theo BCTC năm 2022 và 2023 đã kiểm toán của CKOT, BCTC tự lập 2024

➤ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,99 lần năm 2022 lên 1,04 lần vào năm 2023, phản ánh sự cải thiện trong việc đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, mức này vẫn ở ngưỡng an toàn thấp. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng nhẹ từ 0,76 lần lên 0,77 lần, cho thấy sự ổn định, nhưng vẫn thấp hơn mức tiêu chuẩn là 1 lần. Điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đang dựa vào hàng tồn kho để đảm bảo thanh khoản, làm tăng rủi ro nếu việc tiêu thụ hàng hóa bị chậm.

➤ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Hệ số nợ / Tổng tài sản là 0,85 và Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lên tới 5,5 lần cho thấy CKOT đang dựa nhiều vào vốn vay để tài trợ cho tài sản giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro cao. Doanh nghiệp cần có chiến lược tài chính hợp lý để giảm mức độ phụ thuộc vào nợ và tăng tính bền vững trong dài hạn. Tuy hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu trong năm 2023 đã giảm so với năm 2022 (từ 6,75 xuống 5,5) nhưng tỷ lệ này vẫn là rất lớn.

➤ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 12,08 lần vào năm 2022 xuống 10,16 lần vào năm 2023, cho thấy hiệu suất quản lý hàng tồn kho đã suy giảm hoặc doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong hoạt động bán hàng. Điều này có thể làm tăng chi phí lưu kho hoặc ảnh hưởng đến dòng tiền. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 2,55 lần xuống 2,24 lần, phản ánh doanh nghiệp chưa tối ưu hóa việc sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu.

➤ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng từ 8,20% năm 2022 lên 9,08% năm 2023, thu nhập trên cổ phần (EPS) tăng từ 1.445,56 đồng/cổ phần năm 2022 lên 1.607,78 đồng/cổ phần năm 2023, điều này thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp đã cải thiện, mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông. Tuy nhiên, EPS năm 2024 lại giảm đi 46,5% so với năm trước nguyên nhân do hoạt động kinh doanh của công ty không đạt chỉ tiêu đề ra do ảnh hưởng của thiên tai.

13. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản cố định hữu hình

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
1	Nhà cửa vật kiến trúc	41.394.762.357	9.792.876.193	23,66%
2	Máy móc, thiết bị	84.207.090.964	17.036.806.281	20,92%
3	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	6.285.920.805	464.978.300	7,25%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	261.818.182	109.090.922	41,67%
	Tổng cộng	132.149.592.308	27.403.751.696	21,16%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CKOT

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
1	Nhà cửa vật kiến trúc	43.171.168.730	8.785.229.951	20,35%
2	Máy móc, thiết bị	84.950.830.848	17.012.474.446	20,03%
3	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	6.285.920.805	1.544.557.167	24,57%



Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	261.818.182	56.727.290	21,67%
	Tổng cộng	134.669.738.565	27.398.988.854	20,35%

Nguồn: BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Tài sản cố định vô hình

Tình hình tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
1	Phần mềm máy tính	226.000.000	91.899.989	40,66%
	Tổng cộng	226.000.000	91.899.989	40,66%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CKOT

Tình hình tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá
1	Phần mềm máy tính	226.000.000	46.699.985	20,66%
	Tổng cộng	226.000.000	46.699.985	20,66%

Nguồn: BCTC tự lập năm 2024 của CKOT

Tình hình bất động sản đầu tư

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí không sở hữu bất kỳ loại bất động sản đầu tư nào.

Tình hình đất đang quản lý, sử dụng

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí đang quản lý, sử dụng 2 mảnh đất, chi tiết được trình bày trong *Phụ lục IV: Tình hình đất đai đang quản lý, sử dụng của CKOT tại thời điểm 31/12/2024.*

14. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của CKOT.

Tại các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023, Tổ chức kiểm toán đều đánh

giá các Báo cáo tài chính của CKOT đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí, cũng như các hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho các năm tài chính, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của CKOT

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024 (dựa trên BCTC tự lập 2024)	Năm 2025	
				Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Vốn chủ sở hữu	26.602	25.723	26.602	3%
2	Doanh thu thuần	422.344	398.054	406.358	2%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.406	1.287	2.800	118%
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	9%	5%	11%	6%
5	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	0,57%	0,32%	0,69%	0,37%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	16,04%	N/A	18,67%	N/A

Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí

Lưu ý: Số liệu kinh doanh năm 2024 dựa trên BCTC tự lập của công ty và chưa qua kiểm toán. Kế hoạch năm 2025 nêu trên là kế hoạch kinh doanh dự kiến do CKOT lập.

➤ **Căn cứ thực hiện:**

Để CKOT có thể phát triển ổn định và phù hợp với mô hình hoạt động trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Ban điều hành thống nhất một số nhiệm vụ về tổ chức hoạt động như sau:

(i) Tận dụng, phát huy tốt các nguồn lực hiện có của CKOT:

- Tập trung quản lý, điều hành hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, tiếp tục giữ vững uy tín và thương hiệu các mặt hàng truyền thống của Công ty.

(ii) Bảo toàn vốn chủ sở hữu và vốn của các cổ đông:

- Chủ động nguồn vốn sản xuất kinh doanh; tăng cường công tác thu nợ, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn của Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác khoán quản trị chi phí cho các đơn vị trong Công ty.

(iii) Tập trung quản lý, chỉ đạo công tác đầu tư và duy trì sản xuất theo chiều sâu nhằm đảm bảo phát triển ổn định Công ty trước mắt cũng như lâu dài:

- Tiếp tục nghiên cứu chế tạo phát triển các sản phẩm mới nhằm tạo thêm việc làm, mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài ngành than.

(iv) Tiếp tục nghiên cứu tái cơ cấu lao động, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ:

- Sắp xếp lại nhân lực trong các dây chuyền sản xuất;
- Giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành;
- Quan tâm và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật nòng cốt, công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CKOT

CKOT hiện không có bất kỳ cam kết nào chưa được thực hiện.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Hiện tại, CKOT không có bất cứ tranh chấp kiện tụng nào có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động chuyển nhượng vốn.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phần	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bi
2. Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	: 306.054 cổ phần (tương ứng 20,40% vốn điều lệ thực góp của CKOT).
5. Giá khởi điểm đầu giá	: 89.800 đồng/CP.
6. Phương pháp/Cơ sở tính giá khởi điểm	: Căn cứ theo Nghị định số 140/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Giá khởi điểm không thấp hơn các mức giá: <ul style="list-style-type: none">• Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 014/2024/1612.003.KT7 ngày 16/12/2024 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành là 89.800 đồng/cổ phần;
7. Phương thức chuyển nhượng vốn	: Bán đầu giá công khai thông thường thông qua tổ chức trung gian
8. Tổ chức đầu giá	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
9. Thời gian thực chuyển nhượng vốn dự kiến	: Quý I năm 2025.
10. Thủ tục và thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	: Được quy định cụ thể tại Quy chế đầu giá cổ phần.

11. Tiền đặt cọc : Bằng 10% giá trị số cổ phần đăng ký mua tính theo mức Giá khởi điểm đầu giá (10% x tổng số cổ phần đặt mua x Giá khởi điểm đầu giá)
-
12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài : Không có.
-
13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn : Toàn bộ cổ phần CKOT do TKV nắm giữ là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng theo quy định pháp luật hiện hành.
-
14. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán) : Tại Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, TKV phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
-
15. Địa điểm công bố thông tin :
➤ **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**
Địa chỉ: Số 03, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Tel: (+84 24) 3518 0141 Fax: (+84 24) 3518 0141
Website: <https://vinacomin.vn>
➤ **Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí**
Địa chỉ: Khu Tân Lập 2, Phường phương Đông, Thành phố Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Tel: (+84.20) 3385 4028 Fax: (+84.20) 3385 4312
Website: www.ckoto.vn
➤ **Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)**
Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, P Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24) 3928 8080 Fax : (84-24) 3928 9888

Website: bvsc.com.vn

➤ **Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-24) 39347620

Fax: (84.24) 39347818

Website: www.hnx.vn

16. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

Hồ sơ đấu giá, phương tiện, địa điểm công bố thông tin chi tiết được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần CKOT do TKV sở hữu được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

Tổ chức, cá nhân là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ và tổ chức, cá nhân sau khi mua cổ phiếu mà trở thành cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Cạnh tranh do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 12/6/2018 và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 24/3/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cạnh tranh và các văn bản có liên quan để hoàn tất các nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo quy định về góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật liên quan về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Mục đích của việc chuyển nhượng vốn nhằm thực hiện chủ trương cơ cấu lại khoản vốn góp của TKV tại Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Ưông Bí theo Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023.
- Nguồn vốn thu được từ việc thoái vốn tại CKOT sẽ được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV cũng như đầu tư và phát triển các dự án mới theo quy định của pháp luật.
- Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của CKOT.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 03, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3518 0141

Fax: +84 (24) 3518 0141

2. Công ty cổ phần có vốn được chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ UÔNG BÍ

Địa chỉ: Khu Tân Lập 2, Phường phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (20) 3385 4028

Fax: +84.(20) 3385 4312

3. Tổ chức thẩm định giá

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3824 1990

Fax: +84 (24) 3825 3973

4. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, 2023 của CKOT

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Icon 4, 243A phố Đê La Thành, Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3783 3911

Fax: +84 (24) 3783 3914

5. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax : (84-24) 3928 9888

6. Tổ chức thực hiện đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39347620

Fax: (84.24) 39347818

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp Nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán cổ phần này không phải là đợt phát hành/chuyển nhượng cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu. CKOT là doanh nghiệp chưa niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội, do đó, chúng tôi khuyến nghị Nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá công khai cần phải tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin đã được công khai như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như đảm bảo rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí (CKOT), Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn./.



Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**



VŨ ANH TUẤN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**



NHŨ ĐÌNH HÒA

PHỤ LỤC

- Phụ lục I** : Quyết định của Hội đồng Thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua phương án chào bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí;
- Phụ lục II** : Tài liệu chứng minh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là chủ sở hữu hợp pháp số cổ phần đăng ký chào bán và số cổ phần này được phép chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Phụ lục III** : Báo cáo tài chính năm 2022 và 2023 đã kiểm toán và Báo cáo quyết toán tài chính Quý III năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Ưông Bí;
- Phụ lục IV** : Tình hình đất đai đang quản lý, sử dụng của CKOT tính tới thời điểm 30/9/2024.

Phụ lục IV: Tình hình đất đai đang quản lý, sử dụng của CKOT tại thời điểm 30/9/2024

TT	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hình thức sử dụng	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thuê đất đặt nhà xưởng CKOT, Quảng Ninh	Thôn Tân Lập, Phường Phương Đông, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	38.591	Xây dựng nhà xưởng, kho hàng, khuôn viên cây xanh	Hết ngày 01/1/2026	Thuê đất trả tiền hàng năm/số đo lâu dài	GCN Quyền sử dụng đất, quyết định thuê đất	Diện tích sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 17/06/2015 bởi Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, là 45.741,6 m ² . Song CKOT đã bàn giao lại cho UBND thành phố Uông Bí 7150,6 m ² theo quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 03/07/2017
2	Thuê đất đặt nhà xưởng CKOT, Quảng Ninh	Thôn Tân Lập, Phường Phương Đông, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	13.077	Xây dựng nhà xưởng, kho hàng, khuôn viên cây xanh	Hết ngày 21/05/2044	Thuê đất trả tiền hàng năm/số đo lâu dài	GCN Quyền sử dụng đất, quyết định thuê đất	
Tổng diện tích đất quản lý			51.668					

Nguồn: CKOT